

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23-3-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Nguyễn Văn Mạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Bà Nguyễn Minh Hằng**

**Bà Dương Thị Hồng Vân**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 316/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** **Chị Thiều Thị T.**

**Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:** Số 124 đường K, tổ dân phố B2, phường Đ 2, quận H, thành phố Hải Phòng;

**Nơi ở hiện nay:** Số nhà 58, Lô 9, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.  
**Có mặt.**

**- Bị đơn:** **Anh Phạm Văn N.**

**Trú tại:** Số 124 đường K, tổ dân phố B 2, phường Đ 2, quận H, thành phố Hải Phòng. **Vắng mặt (có yêu cầu xin xét xử vắng mặt).**

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 10 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Thiều Thị T trình bày:*

Chị và anh Phạm Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng vào ngày **15/12/2017**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống **được một thời gian thì phát** sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong mọi hoạt động hàng ngày. Mặt khác, trong cuộc sống vợ chồng anh N không tâm lý quan tâm đến vợ con mà còn hay nghi ngờ chị không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, rồi bạo lực gia đình chị, có lần anh N đánh chị dẫn đến chảy máu, để lại sẹo tại cánh tay trái. Điều này làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Hiện nay, chị và anh N đã sống ly thân không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Ngọc.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là **Phạm Thanh T, sinh ngày 30/5/2018**. Ly hôn, chị yêu cầu giao con chung cho anh N trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Vì hiện nay không có nơi ở ổn định và khó khăn về kinh tế; còn anh N có việc làm, nơi ở và thu nhập ổn định đảm bảo việc chăm sóc con chung tốt hơn chị.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Phạm Văn N vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh N đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh N không đến. Tại bản tự khai giao nộp cho Tòa án, anh N trình bày như sau:*

**Về quan hệ hôn nhân:** Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng vào ngày **15/12/2017**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, anh đã nhiều lần khuyên nhủ chị T nhưng không được. Điều này làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Nay chị T có đơn ly hôn với anh, anh nhận thấy không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, nên anh đồng ý ly hôn với chị T **và anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.**

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là **Phạm Thanh T, sinh ngày 30/5/2018. Ly hôn anh đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành.** Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Qua các biên bản xác minh tại địa phương nơi chị T và anh N sinh sống là đúng với thực tế mâu thuẫn vợ chồng.**

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thiều Thị T về những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn anh N.
- Về nuôi dưỡng con: Giao con chung là **Phạm Thanh T, sinh ngày 30/5/2018** cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.
- Về cấp dưỡng nuôi con : Chị T và anh N tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung: Chị T và anh N không có tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.
- Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Phạm Văn N, hiện cư trú tại số nhà **124 đường Kiều Hạ, tổ dân phố Bình Kiều 2, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. **Tại phiên tòa, bị đơn là anh Phạm Văn N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh**

Ngọc theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh N đã trầm trọng, kéo dài. Nguyên nhân, do anh chị bất đồng quan điểm trong lối sống, cũng như không tin tưởng nhau trong quan hệ vợ chồng. Hiện nay anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm trách nhiệm gì đến nhau. Trên thực tế quan hệ hôn nhân của chị T và anh N đã không còn tồn tại, không đạt được mục đích của hôn nhân. Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh N. Xét việc anh N đồng ý ly hôn với chị T và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. **Điều đó cho thấy anh N cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân và không còn thiết tha tình cảm vợ chồng.** Như vậy, việc chị T yêu cầu xin ly hôn với anh N là có căn cứ, đúng thực tế mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là **Phạm Thanh T, sinh ngày 30/5/2018**. Ly hôn chị T và anh N cùng yêu cầu giao con chung anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành;

[4] Xét sự thống nhất về việc nuôi con của chị T và anh N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh N yêu cầu để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về tài sản chung: Chị T và anh N không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; **điểm a khoản 5** Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chị Thiều Thị T được ly hôn anh Phạm Văn N.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung **Phạm Thanh T, sinh ngày 30/5/2018** cho anh Phạm Văn N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.  
**Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.**
- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.
3. Về tài sản chung: Chị T và anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.
4. Về án phí : Chị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn ) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo biên lai thu số 0017977, ngày 27 tháng 11 năm 2020.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.
- 6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Mạnh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Mạnh**

